

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: **5763** /QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày **14** tháng **12** năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt quy trình giải quyết thủ tục hành chính các lĩnh vực:
Công nghiệp tiêu dùng, Đầu tư xây dựng, Điện, Giám định Thương mại, Hóa chất,
Khoa học công nghệ, Lưu thông hàng hóa trong nước, Quản lý cạnh tranh,
Thương mại quốc tế, Xúc tiến thương mại, Vật liệu nổ công nghiệp, Tiền chất
thuốc nổ thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Công Thương**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của
Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày
07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị
định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 61/2018/NĐ-CP
ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa
liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính; Thông tư số 01/2018/TT-VPCP
ngày 23 tháng 11 năm 2018 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ
hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23
tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông
trong giải quyết thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Nghị định số 45/2020/NĐ-CP ngày 08 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ
về thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử;*

*Căn cứ Quyết định số 1802/QĐ-UBND ngày 27 tháng 5 năm 2022 của
Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố về phê duyệt phương án tái cấu trúc,
đơn giản hóa thủ tục hành chính;*

*Xét đề nghị của Sở Công Thương tại Tờ trình số 6616/TTr-SVHTT ngày 03
tháng 11 năm 2023,*

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này 129 quy trình nội bộ giải quyết
thủ tục hành chính đã được tái cấu trúc theo phương án tại Quyết định số
1802/QĐ-UBND ngày 27 tháng 5 năm 2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân
Thành phố thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Công Thương.

Danh mục và nội dung chi tiết của các quy trình nội bộ được đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố tại địa chỉ <http://vpub.hochiminhcity.gov.vn/portal/Home/danh-muc-tthc/default.aspx>.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính đã được phê duyệt là cơ sở để xây dựng quy trình điện tử, thực hiện việc tiếp nhận, giải quyết và trả kết quả thủ tục hành chính trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính Thành phố.

2. Cơ quan, đơn vị thực hiện thủ tục hành chính có trách nhiệm:

a) Tuân thủ theo quy trình nội bộ đã được tái cấu trúc khi tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính cho cá nhân, tổ chức; không tự đặt thêm thủ tục, giấy tờ ngoài quy định pháp luật.

b) Thường xuyên rà soát, cập nhật các quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính được phê duyệt mới, sửa đổi, bổ sung, thay thế, hủy bỏ, bãi bỏ khi có biến động theo quy định pháp luật.

Điều 3. Hiệu lực thi hành

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Bãi bỏ các Quyết định trước đây trái với Quyết định này.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố, Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông, Giám đốc Sở Công Thương và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Văn phòng Chính phủ (Cục Kiểm soát TTHC);
- TTUB: CT; các PCT;
- VPUB: CPVP;
- Trung tâm Tin học, Trung tâm Công báo;
- Lưu: VT, KSTT/H. 2



CHỦ TỊCH

Phan Văn Mãi



ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**QUY TRÌNH NỘI BỘ GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC
CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA SỞ CÔNG THƯƠNG**

(Ban hành kèm theo Quyết định số **5763** /QĐ-UBND ngày **14** tháng **12** năm 2023
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố)

DANH MỤC QUY TRÌNH NỘI BỘ

STT	Tên quy trình nội bộ
I. Lĩnh vực Công nghiệp tiêu dùng	
1.	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện đầu tư trồng cây thuốc lá
2.	Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện đầu tư trồng cây thuốc lá
3.	Thủ tục cấp sửa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận đủ điều kiện đầu tư trồng cây thuốc lá
4.	Thủ tục cấp Giấy phép mua bán nguyên liệu thuốc lá
5.	Thủ tục cấp lại Giấy phép mua bán nguyên liệu thuốc lá
6.	Thủ tục cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép mua bán nguyên liệu thuốc lá
7.	Thủ tục cấp Giấy phép sản xuất rượu công nghiệp (quy mô dưới 3 triệu lít/năm)
8.	Thủ tục cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép sản xuất rượu công nghiệp (quy mô dưới 3 triệu lít/năm)
9.	Thủ tục cấp lại Giấy phép sản xuất rượu công nghiệp (quy mô dưới 3 triệu lít/năm)
II. Lĩnh vực Đầu tư xây dựng	
10.	Thủ tục Thẩm định và điều chỉnh Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng (Đối với dự án nhóm C, 15 ngày)
11.	Thẩm định và điều chỉnh Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng (Đối với dự án nhóm B, 25 ngày)
12.	Thẩm định và điều chỉnh Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng (Đối với dự án nhóm A, 35 ngày)
13.	Thủ tục Thẩm định, phê duyệt và điều chỉnh Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng sử dụng vốn đầu tư công của TP.HCM
14.	Thủ tục Thẩm định và điều chỉnh Thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở (Đối với công trình còn lại, 20 ngày)
15.	Thủ tục Thẩm định và điều chỉnh Thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở (Đối với công trình cấp II, 30 ngày)

16.	Thủ tục Thẩm định và điều chỉnh Thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở(Đối với công trình cấp I, 40 ngày)
17.	Thủ tục Kiểm tra công tác nghiệm thu hoàn thành công trình (đối với các công trình trên địa bàn thuộc trách nhiệm quản lý của Sở Công Thương, trừ các công trình thuộc thẩm quyền kiểm tra của Hội đồng kiểm tra nhà nước về công tác nghiệm thu công trình xây dựng và Cơ quan chuyên môn về xây dựng thuộc Bộ Xây dựng, Bộ quản lý công trình xây dựng chuyên ngành)
18.	Thủ tục Thẩm định, phê duyệt hồ sơ bồi thường di dời – tái lập lưới điện trên địa bàn thành phố
19.	Thủ tục Thẩm định, phê duyệt hồ sơ bồi thường theo hiện trạng lưới điện trên địa bàn thành phố
20.	Thẩm định và phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu
III. Lĩnh vực Điện	
21.	Cấp giấy phép hoạt động bán lẻ điện đến cấp điện áp 0,4kV tại địa phương
22.	Cấp sửa đổi, bổ sung giấy phép hoạt động bán lẻ điện đến cấp điện áp 0,4kV tại địa phương
23.	Cấp giấy phép hoạt động phát điện đối với nhà máy điện có quy mô dưới 03MW đặt tại địa phương
24.	Cấp sửa đổi, bổ sung giấy phép hoạt động phát điện đối với nhà máy điện có quy mô dưới 03MW đặt tại địa phương
25.	Cấp giấy phép hoạt động phân phối điện đến cấp điện áp 35 kV tại địa phương
26.	Cấp sửa đổi, bổ sung giấy phép hoạt động phân phối điện đến cấp điện áp 35 kV tại địa phương
27.	Cấp giấy phép hoạt động tư vấn chuyên ngành điện thuộc thẩm quyền cấp của địa phương
28.	Cấp sửa đổi, bổ sung giấy phép hoạt động tư vấn chuyên ngành điện thuộc thẩm quyền cấp của địa phương
IV. Lĩnh vực Giám định Thương mại	
29.	Đăng ký dấu nghiệp vụ giám định thương mại
30.	Đăng ký thay đổi dấu nghiệp vụ giám định thương mại
V. Lĩnh vực Hóa chất	
31.	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp (Đối với trường hợp cơ sở sản xuất, kinh doanh hóa chất của tổ chức, cá nhân được đặt tại địa phương đặt trụ sở chính, 12 ngày làm việc)
32.	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp (Đối với trường hợp cơ sở sản xuất, kinh doanh hóa chất của tổ chức, cá nhân

	được đặt tại địa phương khác với địa phương đặt trụ sở chính, 15 ngày làm việc)
33.	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp <i>(Đối với trường hợp cơ sở sản xuất, kinh doanh hóa chất của tổ chức, cá nhân được đặt tại địa phương đặt trụ sở chính, 12 ngày làm việc)</i>
34.	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp <i>(Đối với trường hợp cơ sở sản xuất, kinh doanh hóa chất của tổ chức, cá nhân được đặt tại địa phương khác với địa phương đặt trụ sở chính, 15 ngày làm việc)</i>
35.	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp
36.	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp <i>(Đối với trường hợp cơ sở sản xuất, kinh doanh hóa chất của tổ chức, cá nhân được đặt tại địa phương đặt trụ sở chính, 12 ngày làm việc)</i>
37.	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp <i>(Đối với trường hợp cơ sở sản xuất, kinh doanh hóa chất của tổ chức, cá nhân được đặt tại địa phương khác với địa phương đặt trụ sở chính, 15 ngày làm việc)</i>
38.	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp <i>(Đối với trường hợp cơ sở sản xuất, kinh doanh hóa chất của tổ chức, cá nhân được đặt tại địa phương đặt trụ sở chính, 12 ngày làm việc)</i>
39.	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp <i>(Đối với trường hợp cơ sở sản xuất, kinh doanh hóa chất của tổ chức, cá nhân được đặt tại địa phương khác với địa phương đặt trụ sở chính, 15 ngày làm việc)</i>
40.	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp
41.	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất và kinh doanh hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp <i>(Đối với trường hợp cơ sở sản xuất, kinh doanh hóa chất của tổ chức, cá nhân được đặt tại địa phương đặt trụ sở chính, 12 ngày làm việc)</i>

42.	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất và kinh doanh hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp <i>(Đối với trường hợp cơ sở sản xuất, kinh doanh hóa chất của tổ chức, cá nhân được đặt tại địa phương khác với địa phương đặt trụ sở chính, 15 ngày làm việc)</i>
43.	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất và kinh doanh hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp <i>(Đối với trường hợp cơ sở sản xuất, kinh doanh hóa chất của tổ chức, cá nhân được đặt tại địa phương đặt trụ sở chính, 12 ngày làm việc)</i>
44.	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất và kinh doanh hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp <i>(Đối với trường hợp cơ sở sản xuất, kinh doanh hóa chất của tổ chức, cá nhân được đặt tại địa phương khác với địa phương đặt trụ sở chính, 15 ngày làm việc)</i>
45.	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất và kinh doanh hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp
VI. Lĩnh vực Khoa học công nghệ	
46.	Cấp thông báo xác nhận công bố sản phẩm hàng hóa nhóm 2 phù hợp với quy chuẩn kỹ thuật tương ứng
VII. Lĩnh vực Lưu thông hàng hóa trong nước	
47.	Cấp Giấy xác nhận đủ điều kiện làm tổng đại lý kinh doanh xăng dầu thuộc thẩm quyền cấp của Sở Công Thương
48.	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy xác nhận đủ điều kiện làm tổng đại lý kinh doanh xăng dầu thuộc thẩm quyền cấp của Sở Công Thương
49.	Cấp lại Giấy xác nhận đủ điều kiện làm tổng đại lý kinh doanh xăng dầu thuộc thẩm quyền cấp của Sở Công Thương
50.	Cấp Giấy xác nhận đủ điều kiện làm đại lý bán lẻ xăng dầu
51.	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy xác nhận đủ điều kiện làm đại lý bán lẻ xăng dầu
52.	Cấp lại Giấy xác nhận đủ điều kiện làm đại lý bán lẻ xăng dầu
53.	Cấp Giấy chứng nhận cửa hàng đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu
54.	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận cửa hàng đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu
55.	Cấp lại Giấy chứng nhận cửa hàng đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu
56.	Thủ tục cấp Giấy phép bán buôn sản phẩm thuốc lá
57.	Thủ tục cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán buôn sản phẩm thuốc lá

58.	Thủ tục cấp lại Giấy phép bán buôn sản phẩm thuốc lá
59.	Thủ tục cấp Giấy phép bán buôn rượu trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương
60.	Thủ tục cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán buôn rượu trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương
61.	Thủ tục cấp lại Giấy phép bán buôn rượu trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương
62.	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán LPG
63.	Cấp lại Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán LPG
64.	Cấp điều chỉnh Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán LPG
65.	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LPG vào chai
66.	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LPG vào chai
67.	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LPG vào chai
68.	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LPG vào xe bồn
69.	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LPG vào xe bồn
70.	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LPG vào xe bồn
71.	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LPG vào phương tiện vận tải
72.	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LPG vào phương tiện vận tải
73.	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LPG vào phương tiện vận tải
74.	Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán LNG
75.	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán LNG
76.	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán LNG
77.	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LNG vào phương tiện vận tải
78.	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LNG vào phương tiện vận tải
79.	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LNG vào phương tiện vận tải
80.	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán CNG
81.	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán CNG
82.	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán CNG

83.	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp CNG vào phương tiện vận tải
84.	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp CNG vào phương tiện vận tải
85.	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp CNG vào phương tiện vận tải
86.	Cấp Giấy tiếp nhận thông báo kinh doanh xăng dầu bằng thiết bị bán xăng dầu quy mô nhỏ
VIII. Lĩnh vực Quản lý cạnh tranh	
87.	Đăng ký hoạt động bán hàng đa cấp tại địa phương
88.	Đăng ký sửa đổi, bổ sung nội dung hoạt động bán hàng đa cấp tại địa phương
89.	Chấm dứt hoạt động bán hàng đa cấp tại địa phương
90.	Thông báo tổ chức hội nghị, hội thảo, đào tạo
91.	Đăng ký, đăng ký lại Hợp đồng theo mẫu, điều kiện giao dịch chung
IX. Lĩnh vực Thương mại quốc tế	
92.	Cấp Giấy phép thành lập Hiệp hội doanh nghiệp nước ngoài tại Thành phố Hồ Chí Minh
93.	Gia hạn giấy phép thành lập Hiệp hội doanh nghiệp nước ngoài tại thành phố Hồ Chí Minh
94.	Điều chỉnh giấy phép thành lập Hiệp hội doanh nghiệp nước ngoài tại Thành phố Hồ Chí Minh
95.	Cấp Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam
96.	Điều chỉnh giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam
97.	Cấp lại Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam
98.	Cấp gia hạn Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam
99.	Chấm dứt hoạt động của Văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam
100.	Đăng ký hoạt động Hiệp hội doanh nghiệp nước ngoài tại Thành phố Hồ Chí Minh
101.	Cấp Giấy phép kinh doanh cho tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài để thực hiện quyền phân phối bán lẻ hàng hóa
102.	Cấp Giấy phép kinh doanh cho tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài để thực hiện quyền nhập khẩu, quyền phân phối bán buôn các hàng hóa là dầu, mỡ bôi trơn
103.	Cấp Giấy phép kinh doanh cho tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài để thực hiện quyền phân phối bán lẻ các hàng hóa là gạo; đường; vật phẩm ghi hình; sách, báo và tạp chí

104.	Cấp Giấy phép kinh doanh cho tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài để thực hiện các dịch vụ khác quy định tại khoản d, đ, e, g, h, i Điều 5 Nghị định 09/2018/NĐ-CP
105.	Cấp lại Giấy phép kinh doanh cho tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài
106.	Điều chỉnh Giấy phép kinh doanh cho tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài
107.	Cấp giấy phép kinh doanh đồng thời với giấy phép lập cơ sở bán lẻ được quy định tại Điều 20 Nghị định số 09/2018/NĐ-CP
108.	Cấp giấy phép lập cơ sở bán lẻ thứ nhất, cơ sở bán lẻ ngoài cơ sở bán lẻ thứ nhất thuộc trường hợp không phải thực hiện thủ tục kiểm tra nhu cầu kinh tế (ENT)
109.	Cấp giấy phép lập cơ sở bán lẻ ngoài cơ sở bán lẻ thứ nhất thuộc trường hợp phải thực hiện thủ tục kiểm tra nhu cầu kinh tế (ENT)
110.	Điều chỉnh tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, tên, địa chỉ của cơ sở bán lẻ, loại hình của cơ sở bán lẻ, điều chỉnh giảm diện tích của cơ sở bán lẻ trên Giấy phép lập cơ sở bán lẻ
111.	Điều chỉnh tăng diện tích cơ sở bán lẻ thứ nhất trong trung tâm thương mại; tăng diện tích cơ sở bán lẻ ngoài cơ sở bán lẻ thứ nhất được lập trong trung tâm thương mại và không thuộc loại hình cửa hàng tiện lợi, siêu thị mini, đến mức dưới 500m ²
112.	Điều chỉnh tăng diện tích cơ sở bán lẻ thứ nhất không nằm trong trung tâm thương mại
113.	Điều chỉnh tăng diện tích cơ sở bán lẻ khác và trường hợp cơ sở ngoài cơ sở bán lẻ thứ nhất thay đổi loại hình thành cửa hàng tiện lợi, siêu thị mini
114.	Cấp lại Giấy phép lập cơ sở bán lẻ
115.	Gia hạn Giấy phép lập cơ sở bán lẻ
116.	Cấp Giấy phép lập cơ sở bán lẻ cho phép cơ sở bán lẻ được tiếp tục hoạt động
X. Lĩnh vực Xúc tiến thương mại	
117.	Đăng ký tổ chức hội chợ, triển lãm thương mại tại Việt Nam
118.	Đăng ký sửa đổi, bổ sung nội dung tổ chức hội chợ, triển lãm thương mại tại Việt Nam
119.	Đăng ký hoạt động khuyến mại đối với chương trình khuyến mại mang tính may rủi thực hiện trên địa bàn 01 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương
120.	Đăng ký sửa đổi, bổ sung nội dung chương trình khuyến mại đối với chương trình khuyến mại mang tính may rủi thực hiện trên địa bàn 01 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương
121.	Thông báo hoạt động khuyến mại
122.	Thông báo sửa đổi, bổ sung nội dung Chương trình khuyến mại
XI. Lĩnh vực Vật liệu nổ công nghiệp, Tiền chất thuốc nổ	

123.	Cấp Giấy phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp
124.	Cấp lại Giấy phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp
125.	Cấp giấy chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn vật liệu nổ công nghiệp
126.	Cấp lại giấy chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn vật liệu nổ công nghiệp
127.	Cấp giấy chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn tiền chất thuốc nổ
128.	Cấp lại giấy chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn tiền chất thuốc nổ
129.	Thu hồi Giấy phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp